TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **506**/2024/QĐST-HNGĐ	*G, ngày 02 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 479/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **NTD**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn TT, xã DX, huyện G, thành phố H.

Bị đơn: Chị **ĐML**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn TQ, xã DX, huyện G, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh NTD, sinh năm 1989 và chị ĐML, sinh năm 1991.

2. Công nhận sự thoả thuận của anh NTD và chị ĐML, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Anh NTD và chị ĐML cùng xác định anh chị có 01 con chung là cháu NBA, sinh ngày 17/10/2023.

Giao cháu NBA cho chị ĐML là mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; ghi nhận sự tự nguyện của anh NTD đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị L là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 12/2024 đến khi cháu A trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh NTD và chị ĐML không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của anh NTD chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số 0065607 ngày 14 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
-UBND xã DX (GCNKH số 38/2023);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Ngọc